

UBND XÃ MƯỜNG NHÉ  
TRƯỜNG PTDTBT TH  
CHUNG CHẢI SỐ 2  
Số: 01/QĐ-THCC2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mường Nhé, ngày 05 tháng 01 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý IV năm 2025 của Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2.

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/08/2018 của Bộ tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý IV năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý IV năm 2025 của Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2.

*(Theo biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các phó hiệu trưởng, các tổ, bộ phận Kế toán và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu: VT.



*Trịnh Văn Lập*

Đơn vị: TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

Chương: 822

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2 công khai số liệu thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán năm 2025 | Thực hiện Quý IV năm 2025 | So sánh                      |                                               |
|------------|----------------------------------------------------|------------------|---------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------|
|            |                                                    |                  |                           | Thực hiện/ Dự toán (tỷ lệ %) | Thực hiện năm nay/Cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
| 1          | 2                                                  | 3                | 4                         | 5                            | 6                                             |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                  |                           |                              |                                               |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |                  |                           |                              |                                               |
| 1          | Lệ phí                                             |                  |                           |                              |                                               |
|            | Lệ phí...                                          |                  |                           |                              |                                               |
|            | Lệ phí...                                          |                  |                           |                              |                                               |
| 2          | Phí                                                |                  |                           |                              |                                               |
|            | Phí ...                                            |                  |                           |                              |                                               |
|            | Phí ...                                            |                  |                           |                              |                                               |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                  |                           |                              |                                               |
| <b>I</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                          |                  |                           |                              |                                               |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                  |                           |                              |                                               |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                  |                           |                              |                                               |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                  |                           |                              |                                               |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                  |                           |                              |                                               |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                  |                           |                              |                                               |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                  |                           |                              |                                               |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                  |                           |                              |                                               |
|            | Lệ phí...                                          |                  |                           |                              |                                               |
|            | Lệ phí...                                          |                  |                           |                              |                                               |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                         |                  |                           |                              |                                               |
|            | Phí ...                                            |                  |                           |                              |                                               |
|            | Phí ...                                            |                  |                           |                              |                                               |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | 9.022.895.938    | 5.520.322.234             | 61%                          | 89%                                           |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | 9.022.895.938    | 5.520.322.234             | 61%                          | 89%                                           |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                  |                           |                              |                                               |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                  |                           |                              |                                               |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                  |                           |                              |                                               |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                  |                           |                              |                                               |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                  |                           |                              |                                               |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia         |                  |                           |                              |                                               |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ               |                  |                           |                              |                                               |

|           |                                                         |                      |                      |            |            |
|-----------|---------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|------------|------------|
|           | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở                 |                      |                      |            |            |
| 2.2       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng           |                      |                      |            |            |
| 2.3       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                      |                      |            |            |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      | <b>9.022.895.938</b> | <b>5.520.322.234</b> | <b>61%</b> | <b>89%</b> |
| 3.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          | 6.499.731.938        | 3.516.827.298        | 54%        | 82%        |
| 3.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    | 2.523.164.000        | 2.003.494.936        | 79%        | 103%       |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                      |                      |            |            |
| 4.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                      |                      |            |            |
| 4.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                      |                      |            |            |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                      |                      |            |            |
| 5.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                      |                      |            |            |
| 5.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                      |                      |            |            |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                      |                      |            |            |
| 6.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                      |                      |            |            |
| 6.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                      |                      |            |            |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                      |                      |            |            |
| 7.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                      |                      |            |            |
| 7.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                      |                      |            |            |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                      |                      |            |            |
| 8.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                      |                      |            |            |
| 8.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                      |                      |            |            |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |                      |                      |            |            |
| 9.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                      |                      |            |            |
| 9.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                      |                      |            |            |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                      |                      |            |            |
| 10.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                      |                      |            |            |
| 10.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                      |                      |            |            |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |                      |                      |            |            |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |                      |                      |            |            |
| 1.1       | Dự án A                                                 |                      |                      |            |            |
| 1.2       | Dự án B                                                 |                      |                      |            |            |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |                      |                      |            |            |
| 2.1       | Dự án A                                                 |                      |                      |            |            |
| 2.2       | Dự án B                                                 |                      |                      |            |            |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |                      |                      |            |            |
| 3.1       | Dự án A                                                 |                      |                      |            |            |
| 3.2       | Dự án B                                                 |                      |                      |            |            |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                      |                      |            |            |
| 4.1       | Dự án A                                                 |                      |                      |            |            |
| 4.2       | Dự án B                                                 |                      |                      |            |            |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                      |                      |            |            |
| 5.1       | Dự án A                                                 |                      |                      |            |            |
| 5.2       | Dự án B                                                 |                      |                      |            |            |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                      |                      |            |            |
| 6.1       | Dự án A                                                 |                      |                      |            |            |
| 6.2       | Dự án B                                                 |                      |                      |            |            |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                      |                      |            |            |
| 7.1       | Dự án A                                                 |                      |                      |            |            |
| 7.2       | Dự án B                                                 |                      |                      |            |            |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                      |                      |            |            |

|      |                                                         |  |  |  |  |
|------|---------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 8.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 8.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 9    | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |  |
| 9.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 9.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 10   | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |  |
| 10.1 | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 10.2 | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| III  | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |  |  |  |  |
| 1    | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |  |  |  |  |
| 1.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 1.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 2    | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |  |  |  |
| 2.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 2.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 3    | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |  |  |  |
| 3.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 3.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 4    | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |  |  |  |
| 4.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 4.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 5    | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |  |  |  |
| 5.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 5.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 6    | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |  |  |  |
| 6.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 6.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 7    | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |  |
| 7.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 7.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 8    | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |  |
| 8.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 8.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 9    | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |  |
| 9.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 9.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 10   | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |  |
| 10.1 | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 10.2 | Dự án B                                                 |  |  |  |  |

Mường Nhé, ngày 05 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trịnh Văn Lập

UBND XÃ MUỜNG NHÉ  
TRƯỜNG PTDTBT TH  
CHUNG CHẢI SỐ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mường Nhé, ngày 05 tháng 01 năm 2026

## BIÊN BẢN

Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách ngân sách nhà nước quý IV năm 2025

Hôm nay, hồi 16 giờ 30 phút ngày 05 tháng 01 năm 2026

Tại Phòng hội đồng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2 đã tiến hành tổ chức lập biên bản việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước quý IV năm 2025.

### I. Thành phần gồm :

1. Ông Trịnh Văn Lập - Phó Hiệu trưởng phụ trách
2. Ông Trần Vũ An – Phó Hiệu trưởng chuyên môn
3. Ông Bùi Văn Sản - Thư ký nhà trường
4. Ông Nguyễn Trung Trà – Ban thanh tra nhân dân
5. Ông Lý Văn Hiệu – Tổ trưởng tổ khối 5
6. Ông Nguyễn Đức Thiện - Kế toán
7. Các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường.

### II. Nội dung

1. Tiến hành công khai và niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý IV năm 2025.

2. Các số liệu công khai bao gồm: Quyết định công bố công khai và biểu mẫu số 3 kèm theo.

3. Hình thức công khai: Tại cuộc họp và niêm yết tại bảng tin nhà trường.

4. Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 05/01/2026 đến hết ngày 04/02/2026.

Biên bản lập xong hồi 17 giờ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

THƯ KÝ

P. HIỆU TRƯỞNG CM

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bùi Văn Sản



Trần Vũ An



Trịnh Văn Lập

ĐẠI DIỆN CÁC TỔ CHUYÊN MÔN    ĐẠI DIỆN BAN THANH TRA NHÂN DÂN



Lý Văn Hiệu



Nguyễn Trung Trà

UBND XÃ MUỜNG NHÉ  
TRƯỜNG PTDTBT TH  
CHUNG CHẢI SỐ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mường Nhé, ngày 04 tháng 02 năm 2026

## BIÊN BẢN

### Về việc kết thúc công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước quý IV năm 2025

Hôm nay, hồi 16 giờ 30 phút ngày 04 tháng 02 năm 2026

Tại Phòng hội đồng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2 đã tiến hành tổ chức lập biên bản việc kết thúc công khai các số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý IV năm 2025.

#### I. Thành phần gồm :

1. Ông Trịnh Văn Lập - Phó Hiệu trưởng phụ trách
2. Ông Trần Vũ An – Phó Hiệu trưởng chuyên môn
3. Ông Bùi Văn Sản - Thư ký nhà trường
4. Ông Nguyễn Trung Trà – Ban thanh tra nhân dân
5. Ông Lý Văn Hiệu – Tổ trưởng tổ khối 5
6. Ông Nguyễn Đức Thiện - Kế toán
7. Các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường.

#### II. Nội dung

Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2 tiến hành kết thúc công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý IV năm 2025.

- Thời gian niêm yết: Từ 05/01/2026.
- Thời điểm kết thúc công khai: 04/02/2026.

Trong thời gian niêm yết 30 ngày, không có ý kiến phản ánh của cán bộ, giáo viên nhân viên về việc công khai số liệu thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước quý IV năm 2025.

Biên bản lập xong hồi 17 giờ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

THƯ KÝ

P. HIỆU TRƯỞNG CM

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bùi Văn Sản



Trần Vũ An



Trịnh Văn Lập

ĐẠI DIỆN CÁC TỔ CHUYÊN MÔN

ĐẠI DIỆN BAN THANH TRA NHÂN DÂN



Lý Văn Hiệu



Nguyễn Trung Trà